

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTMPT
Ngày: 10-01-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Trang**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Hoàng Dũng**

Bà **Bùi Thị Cẩm Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Mỹ Yên** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà **Nguyễn Ngọc Chúc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 15/2019/KDTM-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 367/2019/QĐPT-KDTM ngày 24 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty P.**

Địa chỉ: 289, đường L, P.A, Q. B, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Duy T** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Đ** – Trưởng phòng thu hồi nợ (Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2019) (Có mặt)

Bị đơn: **Công ty Q**

Địa chỉ: Số 65A, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đỗ Thị G**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Hồ T**, sinh năm 1977. (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2019) (Có mặt)

Địa chỉ: 310/14A1, đường 30/4, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Đỗ Thị G**, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 222A, đường T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Hồ T**, sinh năm 1977. (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2019) (Có mặt)

Địa chỉ: 310/14A1, đường 30/4, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty P (gọi tắt là Công ty P) và Công ty Q (gọi tắt là Công ty Quang G) có giao dịch mua bán sắt thép theo Hợp đồng nguyên tắc số 171/HĐCP1-14N ngày 02/01/2014. Đến ngày 05/3/2018, Công ty Q còn nợ tiền mua hàng Công ty P số tiền 999.999.454đồng. Công ty P đã nhắc nhở Công ty Q nhiều lần về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng đúng theo quy định của hợp đồng nhưng Công ty Q đã nhiều lần hứa và cam kết trả nợ bằng nhiều văn bản nhưng đến nay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nên Công ty P khởi kiện yêu cầu Công ty Q trả tổng số tiền 2.411.308.134đồng (Trong đó: nợ gốc là 999.999.454đồng và nợ lãi là 1,25%/tháng trên số tiền chậm thanh toán tạm tính từ ngày 19/01/2015 đến ngày 05/3/2018 là 1.411.308.680đồng) và thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh thêm kể từ ngày 06/03/2018 đến thời điểm thanh toán hết toàn bộ tiền mua hàng và tiền lãi nêu trên theo quy định của pháp luật.

Đại diện bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Hồ T trong quá trình giải quyết trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì các lý do: Hợp đồng nguyên tắc giữa nguyên đơn và bị đơn đã hết giá trị thực hiện sau ngày 21/12/2014. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn căn cứ vào hợp đồng trên là không có căn cứ. Nguyên đơn xác định ngày 19/01/2015 là ngày quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm hại nhưng đến ngày 17/3/2018 nguyên đơn mới khởi kiện bị đơn là hết thời hiệu khởi kiện. Trong hồ sơ vụ án đã được công bố bị đơn thấy rằng không có chứng cứ nào xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn. Bị đơn đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án với những lý do nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện nguyên đơn trình bày: vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số nợ gốc là 999.999.454đồng với mức lãi suất 1,25%/tháng theo thỏa thuận trong

hợp đồng giữa các bên ký kết. Riêng đối với thời gian tính lãi có sự thay đổi, cụ thể: Yêu cầu tính lãi thành 02 đợt của tổng số tiền 999.999.454đồng (Trong đó: số tiền 43.932.034đồng tính từ ngày 19/01/2015 và số tiền 956.067.420đồng tính lãi từ ngày 21/01/2015) nên tổng cộng số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán từ ngày 19/01/2015 đến ngày 29/7/2019 là 687.536.000đồng. Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi là 1.687.535.687đồng. Nguyên đơn cho rằng việc tính lãi thành 2 đợt kể từ ngày 19/01/2015 và ngày 21/01/2015 là do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng theo thỏa thuận tại mục 4.2 Điều 4 Hợp đồng. Việc giao nhận hàng nguyên đơn không xuất phiếu giao hàng mà xuất hóa đơn giá trị gia tăng và việc xuất hóa đơn của nguyên đơn tính như phiếu giao hàng nên nguyên đơn tính lãi chậm trả kể từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng nếu bị đơn vi phạm. Đối với vấn đề bảo lãnh của bà G bằng cổ phiếu tại Công ty P, bà G đã thực hiện xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện bị đơn trình bày: Thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 999.999.454đồng. Riêng đối với mức lãi suất đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật. Đối với thời gian tính lãi của nguyên đơn mặc dù đã có sự thay đổi so với đơn khởi kiện nhưng đại diện bị đơn không thống nhất tính lãi theo 02 đợt kể từ ngày 19/01/2015 và ngày 21/01/2015 như đại diện nguyên đơn trình bày. Bị đơn đồng ý tính lãi trên số tiền 999.999.454đồng tính từ ngày bị đơn vi phạm thỏa thuận từ ngày 09/02/2018. Do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tại mục 4.2 Điều 4 Hợp đồng có ghi nhận. Phía nguyên đơn tính lãi chậm trả từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng và cho rằng ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng cùng ngày giao hàng là không đúng. Vì Công ty Q nhận hàng thành nhiều đợt và nhận từ từ không nhận một lần cùng ngày với ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Bên cạnh đó, thời hạn thanh toán hai bên đã thỏa thuận trong quá trình thực hiện hợp đồng, thời hạn thanh toán có thể được thay đổi tùy vào thời điểm khác nhau. Việc thay đổi thời hạn thanh toán được các bên thỏa thuận tại các công văn số 07/2017 và Công văn số 04/2017 nên tính đến ngày 09/02/2018 bị đơn mới vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bị đơn đồng ý tính lãi chậm trả từ ngày 09/02/2018. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại thời gian tính lãi đối với bị đơn.

Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Việc bảo lãnh thanh toán của bà G bằng cổ phiếu cho Công ty Q đối với Công ty P đã thực hiện xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 15/201/KDTM-ST ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty P.

Buộc bị đơn Công ty Q có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty P tổng số tiền là 1.220.832.663 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi triệu tám trăm ba mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi ba đồng) [Trong đó nợ gốc là: 999.999.454 đồng (chín trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi bốn đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/7/2019 là 220.833.209 đồng (hai trăm hai mươi triệu tám trăm ba mươi ba ngàn hai trăm lẻ chín đồng)].

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa trả số tiền trên thì phải trả lãi theo lãi suất quá hạn trung bình liên ba Ngân hàng trên thị trường (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tính lãi từ ngày 19/01/2015 đến ngày 08/02/2018 với số tiền lãi là 466.702.791 đồng (Bốn trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm lẻ hai ngàn bảy trăm chín mươi một đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 08 tháng 8 năm 2019, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu: Xem xét lại phần tiền lãi mà án sơ thẩm đã áp dụng là chưa đúng, đề nghị chấp nhận kháng cáo sửa án sơ thẩm.

Đại diện bị đơn: Không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị giữ y án sơ thẩm.

**Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung, xét kháng cáo của nguyên đơn:

Căn cứ vào Mục 4.2 Điều 4 Hợp đồng số 171 ngày 02/01/2014 giữa các bên đã thể hiện nội dung thoả thuận về thời hạn thanh toán và trong quá trình thực hiện hợp đồng, thời hạn thanh toán này có thể được thay đổi tùy vào thời điểm khác nhau. Trong quá trình mua bán hàng hoá từ ngày ký hợp đồng đến tháng 12/2017 thì giữa hai bên đã nhiều lần thoả thuận lại thời hạn thanh toán tiền và Công ty Q đã đề nghị lại thời hạn thanh toán, đề nghị Công ty thép P cân trừ giá trị cổ phiếu, lãi cổ tức mà bà Đỗ Thị G đang sở hữu tại Công ty thép P vào số tiền công nợ của Công ty Quang G. Việc đề nghị này, cũng được Công ty thép P chấp nhận và phản hồi bằng Công văn số 04/2017/CV- P ngày 12/12/2017. Đồng thời, theo nội dung Công văn nêu trên thì nếu sau ngày 09/02/2018 mà Công ty Q vẫn không thanh toán dứt điểm số tiền nợ còn lại như đã cam kết thì mới vi phạm thoả thuận. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bị đơn Công ty Q đã thống nhất lấy thời gian tính lãi chậm thanh toán kể từ ngày 09/02/2018 đây là sự tự nguyện của bị đơn nên Bản án sơ thẩm ghi nhận là hoàn toàn phù hợp. Do đó, việc Bản án sơ thẩm tính thời hạn chậm thanh toán và mức lãi suất chậm thanh toán là 1,25%/tháng theo Hợp đồng mà hai bên đã thoả thuận trước đó để tính tiền lãi suất chậm thanh toán là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ.

Chính vì vậy, việc nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần thời hạn tính lãi chậm trả của phía bị đơn tương ứng với thời gian chậm trả thành 02 đợt là không có cơ sở để xem xét. Từ những phân tích nêu trên là không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác.

[1] Xét về hình thức: Công ty P và Công ty Q đã xác lập hợp đồng mua bán sắt thép theo hợp đồng nguyên tắc. Quá trình thực hiện giao dịch, Công ty Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng thoả thuận nên nên phát sinh tranh chấp. Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” đúng theo khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo cho rằng việc xác định thời gian tính lãi chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả theo hợp đồng nguyên tắc số 17 giữa hai bên đã ký là không hợp lý, ảnh hưởng đến lợi ích của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại phần lãi chậm trả của bị đơn tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc số 171/HĐCP1-14N ngày 02/01/2014 đều thể hiện chữ ký và con dấu của bên A (bên bán) là Công ty P và bên B (bên mua) là Công ty Quang G.

[4] Theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 20/12/2014 thể hiện Công ty P đã bán cho Công ty Q thép gân D12-SD390 và thép D28-CB400V với tổng số tiền là 2.606.011.540đồng và ngày 22/12/2014 bán thép gân D21-CB400V với số tiền là 956.067.420đồng. Tổng cộng là 3.562.078.960đồng.

[5] Từ ngày 26/4/2017 đến ngày 13/02/2018 Công ty Q đã thanh toán cho Công ty P tổng cộng là 2.275.759.506đồng. Như vậy, tính đến ngày 30/11/2017 Công ty Q còn nợ 1.286.319.454đồng và Theo Công văn số 07-2017 ngày 06/12/2017 của Công ty Q gửi Công ty P đã thừa nhận còn nợ tiền mua hàng, hẹn ngày thanh toán và cam kết thanh toán thành 03 đợt vào tháng 12/2017 thanh toán 100.000.000đồng, tháng 01/2018 thanh toán 200.000.000đồng và số còn lại thanh toán dứt điểm vào ngày 09/02/2018 (tức 25a1 tết Nguyên đán). Và phía Công ty thép P đã có đồng ý với thời gian mà Công ty Q đưa ra theo Công văn số 04/2017/CV-P ngày 12/12/2017 nhưng đến ngày 13/02/2018 phía Công ty Q không thực hiện đúng như cam kết mà chỉ thanh toán cho Công ty P số tiền tổng cộng 2 đợt với số tiền: 286.320.000đồng. Như vậy, tính đến ngày 13/02/2018 bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc là 2.562.079.506đồng. Do đó, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 999.999.454đồng.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đã thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền trên nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 999.999.454đồng theo thỏa thuận tại điều 4 của Hợp đồng nguyên tắc và đúng quy định tại Điều 50 Luật thương mại năm 2005.

[7] Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền gốc là 999.999.454đồng cho nguyên đơn là có cơ sở.

[8] Đối với mức lãi suất 1,25%/tháng: Xét thấy, tại khoản 4.3 Điều 4 về phương thức thanh toán của Hợp đồng nguyên tắc thể hiện các bên đã thỏa thuận

“Ngoài việc phải thanh toán đầy đủ khoản nợ quá hạn, bên B (tức là bên Công ty Quang G) còn phải trả thêm lãi suất 1,25%/tháng trên tổng số tiền quá hạn”. Như vậy, các bên đã thỏa thuận số tiền lãi trên số tiền nợ quá hạn là 1,25%/tháng là phù hợp với Điều 306 Luật thương mại năm 2005, nên cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp. Mặt khác, nguyên đơn và bị đơn không có kháng cáo phần này.

[9] Đối với thời gian tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi thành 02 đợt. Cụ thể: Theo hóa đơn với số tiền 43.932.034 đồng tính từ ngày 19/01/2015 và hóa đơn với số tiền 956.067.420 đồng tính lãi từ ngày 21/01/2015.

[10] Xét thấy: Cả hai khoản tiền này tính lãi đến ngày 29/7/2019 là không phù hợp. Nguyên đơn cho rằng bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán 30 ngày kể từ ngày giao nhận hàng theo mục 4.2 của Hợp đồng nên tính lãi từ thời gian này nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc giao nhận hàng ngày nào nên nguyên đơn tính lãi từ ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng nếu bị đơn vi phạm thì phải chịu lãi chậm trả là không phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng tính từ ngày giao nhận hàng. Và việc thay đổi thời hạn thanh toán này đã được hai bên thỏa thuận tại Công văn số 04/2017/CV-P ngày 12/12/2017 của Công ty P gửi Công ty G. Do đó, cấp sơ thẩm tính xác định thời gian tính lãi mà bị đơn nợ nguyên đơn từ ngày 09/02/2018 đến 29/7/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 17 tháng 20 ngày với số tiền 220.833.209 đồng là có căn cứ.

[11] Từ những phân tích cụ thể nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn: Giữ nguyên bản án sơ thẩm

[12] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

[13] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên đề nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty P.

Buộc bị đơn Công ty Q có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty P tổng số tiền là 1.220.832.663 đồng (*Một tỷ, hai trăm hai mươi triệu, tám trăm ba mươi hai ngàn, sáu trăm sáu mươi ba đồng*) [Trong đó nợ gốc là: 999.999.454 đồng (*chín trăm, chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm năm mươi bốn đồng*) và nợ lãi tạm tính đến ngày 29/7/2019 là 220.833.209 đồng (*hai trăm hai mươi triệu, tám trăm ba mươi ba ngàn, hai trăm lẻ chín đồng*)].

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa trả số tiền trên thì phải trả lãi theo lãi suất quá hạn trung bình liên ba Ngân hàng trên thị trường (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tính lãi từ ngày 19/01/2015 đến ngày 08/02/2018 với số tiền lãi là 466.702.791 đồng (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn, bảy trăm chín mươi một đồng*).

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty Q phải chịu 48.624.000đồng. (*Bốn mươi tám triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn đồng*).

Nguyên đơn Công ty P phải chịu 22.001.000đồng (*Hai mươi hai triệu, không trăm lẻ một ngàn đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 40.113.000đồng (*bốn mươi triệu một trăm mười ba ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 007935 ngày 19/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn được nhận lại 18.112.000đồng (*Mười tám triệu một trăm mười hai ngàn đồng*).

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Nguyên đơn phải chịu 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai số 001632 ngày 16/8/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 10/01/2020)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Hoàng Dũng Bùi Thị Cẩm Thúy

Lê Thị Minh Trang

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- Tòa án nhân dân Q. Ninh Kiều;
- Chi Cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Minh Trang